

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH THẠNH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 23/9/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Biểu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phước Phi

2. Ông Đặng Như Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Bạch Nam Chu Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-KDTM ngày 07/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1965, địa chỉ: Khu phố Định Thiên, thị trấn Vinh Thanh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K, người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Th – Tổng giám đốc, địa chỉ: Lô B, Cụm công nghiệp Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – vắng mặt không lý do.

- *Những người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Phúc T – sinh năm: 1956, địa chỉ: Khu phố Định Thiên, thị trấn Vinh Thanh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – có mặt.

+ Ông Nguyễn Thành D – sinh năm: 1988, địa chỉ: Khu phố Định Thiên, thị trấn Vinh Thanh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – có mặt.

+ Ông Đặng Chánh X – sinh năm: 1968, địa chỉ: 198 Kênh Tân Hóa, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, được bổ sung bằng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Vào ngày 06/4/2019 bà Hồ Giáng Ch là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K (Sau đây được viết tắt là Công ty H K) có đến cửa hàng bà Nguyễn Thị H để mua nguyên vật liệu xây dựng (Xi măng, sắt, gạch....) xây dựng nhà máy sản xuất cao su non tại: Lô B, Cụm công nghiệp Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thanh, tỉnh Bình Định.

Do sự tin tưởng nên bà H không có làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng với bà Hồ Giáng Ch là người đại diện theo pháp luật của Công ty H K. Trong quá trình bà H cung cấp nguyên vật liệu xây dựng để Công ty H K xây dựng nhà máy sản xuất nhựa cao su non có sự chứng kiến của bảo vệ Công ty H K là ông Nguyễn Phúc T (mọi nguyên vật liệu vào công ty để xây dựng nhà máy đều có xác nhận của ông T).

Cụ thể qua nhiều lần bà H cung cấp vật liệu cho Công ty H K (Từ ngày 06/4/2019 đến ngày 31/5/2019) thì tổng số tiền nợ là 231.412.000 đồng. Sau đó Công ty H K có chuyển khoản qua Ngân hàng thanh toán cho bà H 02 lần với số tiền là 96.130.000 đồng (có chứng từ ngân hàng kèm theo) và thanh toán tiền mặt trực tiếp cho bà Hiền 03 lần với số tiền 65.282.000 đồng, tổng cộng số tiền Công ty H K đã thanh toán cho bà H là 161.412.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty H K chưa thanh toán cho bà H là (231.412.000 đồng - 161.412.000 đồng = 70.000.000 đồng).

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H K phải thanh toán tiền nợ mua nguyên vật liệu xây dựng còn lại cho bà H với tổng số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra bà H còn trình bày: Ông Đặng Chánh X cổ đông Công ty H K có thông báo bằng miệng với bà rằng: Nhà xưởng của Công ty H K xây dựng nên từ nguyên vật liệu của bà, được Công ty H K thế chấp tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh tỉnh B Đ vì Công ty H K nợ số tiền vay và tiền lãi suất, không có khả năng trả nợ nên vào ngày 04/12/2020 ngân hàng sẽ phát mãi tài sản nhà xưởng nêu trên, nên bà H yêu cầu Tòa án đưa Ngân hàng Agribank – Chi nhánh tỉnh B Đ vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để vụ án được giải quyết triệt để nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Tuy nhiên, khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho Ngân hàng Agribank – Chi nhánh tỉnh B Đ và ông Đặng Chánh X thì các đương sự nêu trên đều có văn bản trả lời cho Tòa án, họ không liên quan gì đến các khoản nợ của bà H khởi kiện Công ty H K nên yêu cầu Tòa án không đưa Ngân hàng Agribank – Chi nhánh tỉnh B Đ và ông Đặng Chánh X tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bà H đã đồng ý theo yêu cầu của các đương sự nêu trên.

**Bị đơn Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K:** Vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

**Những người làm chứng:** Điều giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án, không có ý kiến gì thêm.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc Công ty H K thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 70.000.000 đồng. Về án phí: Công ty H K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn Công ty H K có địa chỉ tại: Lô B, Cụm công nghiệp Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự:**

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện Công ty H K về việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hoá. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, Công ty H K là bị đơn. Căn cứ khoản 8, Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

**[3]. Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn Công ty H K vắng mặt không có lý do và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

#### **[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Về hình thức hợp đồng: Vào ngày 06/4/2019 bà Hồ Giáng Ch là người đại diện theo pháp luật của Công ty H K có đến cửa hàng bà Nguyễn Thị H mua nguyên vật liệu xây dựng (Xi măng, sắt, gạch....) để xây dựng nhà máy sản xuất cao su non tại: Lô B, Cụm công nghiệp Tà Súc, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Do sự tin tưởng nên bà H không có làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng với bà Hồ Giáng Ch là người đại diện theo pháp luật của Công ty H K. Trong quá trình bà H cung cấp nguyên vật liệu xây dựng để Công ty xây dựng nhà máy sản xuất nhựa cao su non có sự chứng kiến của bảo vệ Công ty H K là ông Nguyễn Phúc T (mọi nguyên vật liệu vào công ty để xây dựng nhà máy đều có xác nhận của ông T). Việc xác lập hợp đồng mua bán giữa bà H và Công ty H K là phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005 nên phát sinh giá trị pháp lý.

Về việc thực hiện hợp đồng: Cụ thể qua nhiều lần bà H cung cấp vật liệu cho Công ty H K (Từ ngày 06/4/2019 đến ngày 31/5/2019) thì tổng số tiền nợ là

231.412.000 đồng. Sau đó Công ty H K có chuyển khoản qua Ngân hàng thanh toán cho bà H 02 lần với số tiền là 96.130.000 đồng (*có chứng từ ngân hàng kèm theo*) và thanh toán tiền mặt trực tiếp cho bà H 03 lần với số tiền 65.282.000 đồng, tổng cộng số tiền Công ty H K đã thanh toán cho bà H là 161.412.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty H K chưa thanh toán cho bà H là (231.412.000 đồng - 161.412.000 đồng = 70.000.000 đồng).

Lời khai của bà H phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 Chứng từ giao dịch ngày 07/10/2019 (nội dung chuyển tiền: Bà Hồ Giáng Ch nộp tiền) của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, tên khách hàng bà Nguyễn Thị H.

- 01 Chứng từ giao dịch ngày 22/8/2019 (nội dung chuyển tiền: Chuyển tiền vật liệu xây dựng Công ty CPTMXNK Nhựa cao su non H K) của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, tên khách hàng bà Nguyễn Thị H.

- 02 Giấy xác nhận nợ của bà Nguyễn Thị H (Bản viết tay);

- 01 Hóa đơn có ghi người viết: H và người mua Nhà máy nhựa vào ngày 06/4/2019 với số tiền là (27.300.000đ + 5.840.000đ), có ghi đưa trước 20.000.000 đồng và được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ của Công ty là người nhận hàng;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán H và người mua: H nhà máy dầm vào ngày 17/4/2019 với tổng số tiền 18.667.000 đồng và được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ của Công ty;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán H vào ngày 19/4/2019 với tổng số tiền: 55.167.000đ và được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán: H và người mua: Nhà máy nhựa vào ngày 27/4/2019 với tổng số tiền là: 16.000.000 đồng và được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty;

- 01 Hóa đơn có ghi người bán: D (con bà H) và người mua Nhà máy hạt nhựa vào ngày 27/4/2019 với tổng số tiền là: 20.900.000 đồng và được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán: H, người mua: H nhà máy nhựa vào ngày 06/5/2020 với tổng số tiền là: 86.900.000 đồng, được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ công ty;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán: H, người mua: Nhà máy nhựa vào ngày 14/5/2019 với tổng số tiền là 11.680.000 đồng, được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty.

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán: H, người mua: H nhà máy nhựa vào ngày 15/5/2019 với tổng số tiền: 115.430.000 đồng, được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán: D (con bà H), người mua: H nhà máy hạt nhựa vào ngày 20/5/2019 với tổng số tiền: 144.830.000 đồng, được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty;

- 01 Phiếu giao hàng có ghi người bán: H, người mua: H nhà máy nhựa vào ngày 31/5/2019 với tổng số tiền: 21.300.000 đồng, được xác nhận của ông Nguyễn Phúc T là bảo vệ Công ty.

Qua đó có cơ sở xác định, việc bà Nguyễn Thị H và Công ty H K có quan hệ mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng từ ngày 06/4/2019 đến ngày 31/5/2019 là có thật. Hai bên không tiến hành ký kết hợp đồng mua bán bằng văn bản mà chỉ giao kết bằng miệng. Phía bà H căn cứ yêu cầu của Công ty H K để giao hàng đúng chủng loại, số lượng và chất lượng cho Công ty H K. Sau mỗi đợt bán, phía bà H xuất phiếu bán hàng để làm cơ sở thanh toán. Việc mua bán giữa các bên được xác lập một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hai bên cũng đã thực hiện hợp đồng nên có giá trị hiệu lực thi hành giữa các bên.

Theo kết quả yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ: Phòng Đăng ký Kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định đã cung cấp các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có thể hiện Công ty H K hoạt động kể từ ngày **29/8/2013** đến ngày 31/12/2021 và tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 với lý do: Không trả nợ được ngân hàng, nhưng chưa làm thủ tục giải thể hoặc phá sản; người đại diện theo pháp luật của Công ty H K tại thời điểm giao kết hợp đồng với bà H là bà Hồ Giáng Ch và người đại diện theo pháp luật tại thời điểm hiện tại là bà Nguyễn Thị Th. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để phía bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn vắng mặt, là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ về việc lấy lời khai bà Hồ Giáng Ch là người đại diện theo pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng nhưng Tòa án nơi bà Ch có địa chỉ không thực hiện được vì lý do bà Ch vắng mặt tại nơi cư trú. Mặt khác, Tòa án cũng ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ về việc lấy lời khai bà Nguyễn Thị Th là tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty H K tại thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì bà Th cho rằng bà Ch là người giao kết hợp đồng thì bà Ch phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho bà H.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc Công ty H K phải thanh toán số tiền mua hàng còn lại là 70.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005 và Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **[5]. Về án phí:**

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty H K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

**[6]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**[7].** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” với Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K.

Buộc Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

### **2. Về án phí:**

- Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007019 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

**3.** Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và Công ty Cổ phần sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nhựa cao su non H K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Biểu**